TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN **THUỶ NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2019/HNGĐ-ST
Ngày 11 - 7 - 2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Anh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Mạnh

2. Ông Doãn Văn Sáng

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 310/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 106/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Việt H; địa chỉ: Thôn 1, xã HT, huyện NT, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Trung T; địa chỉ: Thôn 10, xã HT, huyện NT, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Trần Việt H và anh Nguyễn Trung T kết hôn với nhau vào năm 2013, trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện NT, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, cách sống không phù hợp, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Do mâu

thuẫn nên vợ chồng đã ly thân nhau từ cuối năm 2015 đến nay. Chị Trần Việt H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn anh Nguyễn Trung T. Vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Trần N, sinh ngày 14 tháng 02 năm 2014. Khi ly hôn chị Trần Việt H xin được nuôi con. Về cấp dưỡng cho con, chị Trần Việt H không đề nghị Tòa án giải quyết. Vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ý kiến và đề nghị của bị đơn: Anh Nguyễn Trung T đã được Tòa án tống đạt các văn bản và các quyết định tố tụng nhưng không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; đương sự là nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị Trần Việt H được ly hôn. Giao cho chị Trần Việt H trực tiếp nuôi con. Về cấp dưỡng cho con và tài sản chung không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Chị Trần Việt H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án: Giấy chứng nhận kết hôn số 56/2013 ngày 23 tháng 12 năm 2013của Ủy ban nhân dân xã HT, huyện NT, thành phố Hải Phòng xác định chị Trần Việt H và anh Nguyễn Trung T kết hôn với nhau vào ngày 23 tháng 12 năm 2013; giấy khai sinh của con chung; tài liệu xác minh tại chính quyền địa phương xác định vợ chồng có mâu thuẫn từ năm 2015, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp và vợ chồng ly thân nhau, anh Nguyễn Trung T hiện vẫn cư trú tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Việt H và anh Nguyễn Trung T được xác lập vào năm 2013 là hợp pháp. Tài liệu chứng cứ thu thập được thể hiện quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp và vợ chồng đã ly thân nhau từ cuối năm 2015 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập anh Nguyễn Trung T nhiều lần để hòa giải nhưng

anh Nguyễn Trung T đều vắng mặt, điều này thể hiện anh Nguyễn Trung T không có mong muốn hòa giải. Chứng tỏ, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận đề nghị của chị Trần Việt H là phù hợp Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Trần N, sinh ngày 14 tháng 02 năm 2014. Khi ly hôn, chị Trần Việt H xin được nuôi con. Xét thấy, chị Trần Việt H nuôi con ổn định kể từ khi vợ chồng ly thân, vì vậy, giao con cho chị Trần Việt H nuôi là phù hợp Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng cho con, chị Trần Việt H không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Trần Việt H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Chị Trần Việt H được ly hôn anh Nguyễn Trung T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trần N, sinh ngày 14 tháng 02 năm 2014 cho chị Trần Việt H trực tiếp nuôi. Việc nuôi con được thực hiện cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Việt H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000193 ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; chị Trần Việt H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã HT, huyện NT;
- Đương sự;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Anh Sơn